

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO
Ngày 25/7/2025**NGHỊ ĐỊNH****Quy định chế độ an điều dưỡng, chăm sóc khi mắc bệnh hiểm nghèo, chế độ thông tin, hỗ trợ tang lễ khi từ trần đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 27 tháng 11 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 28 tháng 11 năm 2024.

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chế độ an điều dưỡng, chăm sóc khi mắc bệnh hiểm nghèo, chế độ thông tin, hỗ trợ tang lễ khi từ trần đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chế độ, chính sách đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu, gồm: Chế độ an điều dưỡng; chăm sóc khi mắc bệnh hiểm nghèo; chế độ thông tin; hỗ trợ tang lễ khi từ trần theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 28 tháng 11 năm 2024.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Sĩ quan cấp Tướng đã nghỉ hưu.
- Sĩ quan cấp Tá, cấp Úy đã nghỉ hưu, gồm:

a) Sĩ quan cấp Đại tá hưởng mức lương 668 đồng theo quy định tại Nghị định số 235/HĐBT ngày 18 tháng 9 năm 1985 của Hội đồng Bộ trưởng về cải tiến chế độ tiền lương của công nhân, viên chức và các lực lượng vũ trang;

b) Sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ Tư lệnh, Chính ủy (Quân đoàn, Binh chủng, Vùng Hải quân, Vùng Cảnh sát biển và tương đương); Cục trưởng các Cục có chức năng chỉ đạo toàn quân. Sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,9 trở lên theo quy định tại Nghị định số 25/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới của công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp và lực lượng vũ trang hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,1 trở lên theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,2 trở lên theo quy định tại Nghị định số..... /... /NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 204/2004/NĐ-CP;

c) Sĩ quan cấp Đại tá nâng lương lần 2; sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ Phó Tư lệnh, Phó Chính ủy (Quân đoàn, Binh chủng, Vùng Hải quân, Vùng Cảnh sát biển và tương đương); Phó Cục trưởng các Cục có chức năng chỉ đạo toàn quân. Sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ có hệ số phụ cấp chức vụ 0,8 theo quy định tại Nghị định số 25/CP hoặc giữ chức vụ có hệ số phụ cấp chức vụ 1,0 theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ 1,15 theo quy định tại Nghị định số..... /... /NĐ-CP;

d) Sĩ quan cấp Đại tá hưởng mức lương 655 đồng theo quy định tại Nghị định số 235/HĐBT; sĩ quan cấp Đại tá nâng lương lần 1; sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ chỉ huy Sư đoàn hoặc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là tỉnh) và tương đương. Sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ có hệ số phụ cấp chức vụ 0,7 theo quy định tại Nghị định số 25/CP hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ 0,9 theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ 1,1 theo quy định tại Nghị định số..... /... /NĐ-CP;

đ) Sĩ quan cấp Đại tá, Thượng tá; sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ chỉ huy Lữ đoàn, Trung đoàn hoặc Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện và tương đương. Sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ có hệ số phụ cấp chức vụ 0,5 theo quy định tại Nghị định số 25/CP hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ 0,7 theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ 0,9 theo quy định tại Nghị định số..... /... /NĐ-CP;

e) Sĩ quan cấp Trung tá, Thiếu tá; sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ chỉ huy Tiểu đoàn và tương đương. Sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ có hệ số phụ cấp chức vụ 0,35 theo quy định tại Nghị định số 25/CP hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ 0,5 theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP hoặc có hệ số phụ cấp chức vụ 0,7 theo quy định tại Nghị định số..... /... /NĐ-CP;

g) Sĩ quan cấp Úy.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện chế độ, chính sách đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu.

Điều 3. Đối tượng không áp dụng

1. Sĩ quan Quân đội nghỉ hưu thuộc đối tượng quy định tại Quyết định số 205/2004/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện một số chính sách, chế độ đối với cán bộ cao cấp.

2. Đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Nghị định này đang bị tạm giam; chấp hành án phạt tù; bị kết án về một trong các tội xâm phạm an ninh quốc gia.

3. Sĩ quan Quân đội đã nghỉ hưu mà bị thi hành kỷ luật bằng hình thức cách tất cả các chức vụ trong Đảng hoặc khai trừ ra khỏi Đảng hoặc xóa tư cách chức vụ đã đảm nhiệm hoặc tước danh hiệu quân nhân.

Chương II CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH

Điều 4. Chế độ an điều dưỡng

1. Tiền an điều dưỡng

a) Đối tượng quy định tại khoản 1; điểm a, b và c khoản 2 Điều 2 Nghị định này, mỗi năm một lần được hỗ trợ tiền an điều dưỡng với mức hưởng như mức tiền an, bồi dưỡng của sĩ quan cấp Tướng đang công tác;

b) Đối tượng quy định tại điểm d và đ khoản 2 Điều 2 Nghị định này, mỗi năm một lần được hỗ trợ tiền an điều dưỡng bằng 50% mức hưởng như mức tiền an, bồi dưỡng của sĩ quan có cùng cấp bậc quân hàm Đại tá, Thượng tá đang công tác;

c) Đối tượng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 2 Nghị định này, mỗi năm một lần được hỗ trợ tiền an điều dưỡng bằng 50% mức hưởng như mức tiền an, bồi dưỡng của sĩ quan có cùng cấp bậc quân hàm Trung tá, Thiếu tá đang công tác;

d) Đối tượng quy định tại điểm g khoản 2 Điều 2 Nghị định này, mỗi năm một lần được hỗ trợ tiền an điều dưỡng bằng 50% mức hưởng như mức tiền an, bồi dưỡng của sĩ quan cấp Úy đang công tác;

đ) Trường hợp nghỉ hưu, hưởng lương hưu trong Quý I hằng năm thì từ năm nghỉ hưu, hưởng lương hưu hằng tháng trở đi được hỗ trợ tiền an điều dưỡng quy định tại điểm a, b, c và d khoản này; trường hợp nghỉ hưu, hưởng lương hưu từ Quý II đến Quý IV hằng năm thì được hỗ trợ tiền an điều dưỡng từ năm sau liền kề của năm nghỉ hưu.

2. Phiếu mời an điều dưỡng

a) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này, hằng năm được cấp phiếu mời gia đình đi nghỉ tại các Đoàn an điều dưỡng của Quân đội;

b) Đối tượng quy định tại điểm a, b và c khoản 2 Điều 2 Nghị định này, 02 (hai) năm một lần được cấp phiếu mời gia đình đi nghỉ tại các Đoàn an điều dưỡng của Quân đội;

c) Đối tượng quy định tại điểm d, đ, e và g khoản 2 Điều 2 Nghị định này, hàng năm căn cứ số lượng phiếu mời an điều dưỡng do Bộ Quốc phòng (Cục Chính sách - Xã hội) cấp, các Quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh mời cá nhân hoặc gia đình đi nghỉ tại các Đoàn an điều dưỡng của Quân đội.

3. Các đối tượng quy định tại khoản 1 và 2 Điều 2 Nghị định này khi đi an điều dưỡng tại các Đoàn an điều dưỡng của Quân đội được bảo đảm phòng nghỉ (bao gồm vật chất buồng phòng trong phòng nghỉ), chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng kết hợp thăm quan; nộp tiền ăn cho Đoàn an điều dưỡng. Trường hợp cá nhân tự bảo đảm phương tiện đi an điều dưỡng thì được thanh toán tiền tàu xe theo quy định hiện hành cho cả lượt đi và lượt về (tổng quãng đường không quá 1.200 km) theo giá tại thời điểm thanh toán. Trường hợp đơn vị, địa phương bảo đảm phương tiện (ô tô) để đưa, đón sĩ quan Quân đội nghỉ hưu đi an điều dưỡng tập trung tại các Đoàn an điều dưỡng theo từng đợt thì được bảo đảm xăng dầu theo quy định; trường hợp thuê phương tiện (ô tô) thì được thanh quyết toán chi phí thuê phương tiện theo thực chi.

4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định phiếu mời an điều dưỡng và quản lý, tổ chức an điều dưỡng đối với sĩ quan nghỉ hưu theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều này.

Điều 5. Chế độ chăm sóc khi mắc bệnh hiểm nghèo

1. Sĩ quan Quân đội nghỉ hưu nếu mắc một trong các bệnh thuộc Danh mục bệnh hiểm nghèo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế và được Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền theo quy định của Bộ Quốc phòng kết luận mắc bệnh hiểm nghèo thì được hưởng các chế độ, chính sách sau đây:

a) Được hỗ trợ hàng quý với mức hưởng bằng 02 (hai) tháng lương cơ sở. Thời điểm hưởng tính từ quý khi được Hội đồng giám định y khoa kết luận mắc bệnh hiểm nghèo; trường hợp đối tượng đang hưởng chế độ hỗ trợ nêu trên mà từ trần thì thôi hưởng từ quý tiếp theo;

b) Khi điều trị nội trú tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong Quân đội thì được hưởng kinh phí chênh lệch giữa tiền ăn bệnh lý và tiền ăn cơ bản bộ binh theo quy định về tiêu chuẩn vật chất hậu cần của quân nhân tại ngũ do bệnh viện thanh toán.

2. Trường hợp sĩ quan Quân đội trước khi nghỉ hưu đã được cấp có thẩm quyền công nhận mắc bệnh hiểm nghèo thì khi nghỉ hưu được hỗ trợ hàng quý và chính sách theo quy định tại khoản 1 Điều này. Thời điểm hỗ trợ tính từ quý bắt đầu hưởng lương hưu, mức hưởng bằng mức hỗ trợ của cả quý.

3. Trường hợp sĩ quan Quân đội đã nghỉ hưu trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, đã được cấp có thẩm quyền công nhận mắc bệnh hiểm nghèo và đang được hỗ trợ hàng quý theo quy định tại Thông tư số 158/2011/TT-BQP ngày 15 tháng 8 năm 2011 của Bộ Quốc phòng về thực hiện một số chế độ, chính sách góp phần chăm sóc đối với cán bộ quân đội nghỉ hưu thì tiếp tục

được hỗ trợ hằng quý, mức hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, tính từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Trường hợp hiệu lực của Nghị định này trong tháng đầu quý thì được hưởng hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Trường hợp hiệu lực của Nghị định này không phải tháng đầu quý mà đã nhận hỗ trợ theo quy định tại Thông tư số 158/2011/TT-BQP thì được hưởng tiền chênh lệch giữa mức hỗ trợ đã nhận với mức hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp sĩ quan Quân đội nghỉ hưu đã được Hội đồng giám định y khoa khám, kết luận mắc bệnh hiểm nghèo nhưng chưa được cấp có thẩm quyền ban hành quyết định hưởng chế độ hỗ trợ bệnh hiểm nghèo mà từ trần thì thân nhân được hưởng số tiền hỗ trợ bằng 01 (một) quý tại quý sĩ quan nghỉ hưu từ trần.

5. Hồ sơ, trình tự đề nghị, giải quyết

a) Hồ sơ đề nghị

Đơn đề nghị giám định đề hưởng chế độ hỗ trợ mắc bệnh hiểm nghèo của đối tượng hoặc thân nhân đối tượng theo Mẫu số 01/2025/BHN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Bản chính (bản giấy) hoặc bản sao điện tử Tóm tắt hồ sơ bệnh án của bệnh viện trong hoặc ngoài Quân đội; bản sao hoặc bản sao điện tử quyết định nghỉ hưu.

b) Trình tự đề nghị, giải quyết

Sĩ quan Quân đội nghỉ hưu hoặc thân nhân nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này cho Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi tắt là xã) nơi thường trú bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử. Trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ khai thác được các giấy tờ trong thành phần hồ sơ (trừ đơn đề nghị giám định) trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan thì sĩ quan Quân đội nghỉ hưu không phải nộp các giấy tờ nêu trên.

Ủy ban nhân dân xã trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ theo quy định có trách nhiệm tổng hợp, đề nghị Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh. Sau khi có quyết định của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh về việc hưởng chế độ hỗ trợ hằng quý đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo thì tiếp nhận, quản lý và thực hiện hỗ trợ theo quy định.

Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do Ủy ban nhân dân xã chuyển đến, có trách nhiệm thẩm định, hoàn thiện hồ sơ kèm theo giấy giới thiệu theo Mẫu số 02/2025/BHN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này đối với trường hợp đủ điều kiện, đề nghị Hội đồng giám định y khoa theo quy định của Bộ Quốc phòng để khám giám định; trường hợp không đủ điều kiện thì trả lời Ủy ban nhân dân xã nơi đề nghị và đối tượng bằng văn bản. Căn cứ kết quả giám định của Hội đồng giám định y khoa, nếu kết luận mắc bệnh hiểm nghèo thì trong thời gian 02 ngày làm việc kể

từ ngày nhận được biên bản giám định y khoa của Hội đồng giám định y khoa, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh có trách nhiệm ban hành quyết định về việc hưởng chế độ hỗ trợ hàng quý đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo (02 bản) theo Mẫu số 04/2025/BHN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này (lưu 01 bản và gửi 01 bản quyết định về Ủy ban nhân dân xã nơi thường trú để quản lý, thực hiện hỗ trợ); trường hợp kết luận không mắc bệnh hiểm nghèo thì trả lời Ủy ban nhân dân xã nơi đề nghị và đối tượng bằng văn bản.

Hội đồng giám định y khoa trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh chuyển đến, có trách nhiệm tổ chức khám giám định bệnh hiểm nghèo theo quy định; kết luận, gửi biên bản giám định y khoa theo Mẫu số 03/2025/BHN Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này (kèm theo hồ sơ của các đối tượng được giám định) về Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh nơi đề nghị để ban hành quyết định thực hiện chế độ hoặc trả lời Ủy ban nhân dân xã nơi đề nghị và đối tượng.

Điều 6. Chế độ thông tin

1. Chế độ báo chí

a) Đối tượng quy định tại khoản 1; điểm a, b và c khoản 2 Điều 2 Nghị định này được cấp tiền mua báo Quân đội nhân dân, gồm: Báo hằng ngày, báo Cuối tuần, tập san Sự kiện và nhân chứng;

Đối tượng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 2 Nghị định này được cấp tiền mua báo Quân đội nhân dân hằng ngày.

b) Mức tiền mua các ấn phẩm quy định tại điểm a khoản này được tính theo giá các ấn phẩm quy định tại thời điểm Quý I hằng năm; tiền mua các ấn phẩm báo chí nêu trên được cấp theo quý, do Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh thực hiện và thanh quyết toán. Sĩ quan nghỉ hưu, hưởng lương hưu hằng tháng thuộc quý nào trong năm thì được bảo đảm tiền mua báo chí của cả quý đó; trường hợp đang hưởng chế độ báo chí mà từ trần thì dừng hưởng từ quý tiếp theo.

2. Chế độ cung cấp thông tin, thông báo tình hình

a) Hằng năm, vào dịp kỷ niệm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam hoặc dịp tết Nguyên đán, đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Nghị định này được gặp mặt, tặng quà, cung cấp thông tin, thông báo tình hình theo phân cấp như sau:

Đối tượng quy định tại khoản 1; điểm a và b khoản 2 Điều 2 Nghị định này trong phạm vi toàn quốc (bao gồm cả sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ Bí thư cấp ủy đơn vị trực thuộc Bộ, Bí thư Đảng ủy Cục có chức năng chỉ đạo toàn quân): Thủ trưởng Bộ Quốc phòng;

Đối tượng quy định tại điểm c và d khoản 2 Điều 2 Nghị định này thường trú trên địa bàn Quân khu (bao gồm cả sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ Bí thư cấp ủy đơn vị cấp Sư đoàn và tương đương): Thủ trưởng Bộ Tư lệnh Quân khu;

Đối tượng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Nghị định này thường trú trên địa bàn thành phố Hà Nội: Thủ trưởng Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội;

Đối tượng quy định tại điểm c và d khoản 2 Điều 2 Nghị định này thường trú trên địa bàn thành phố Hà Nội (bao gồm cả sĩ quan trước khi nghỉ hưu giữ chức vụ hoặc đã giữ chức vụ Bí thư cấp ủy đơn vị cấp Sư đoàn và tương đương): Lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Đối tượng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Nghị định này thường trú trên địa bàn tỉnh: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ thành phố Hà Nội);

Đối tượng quy định tại điểm e và g khoản 2 Điều 2 Nghị định này thường trú trên địa bàn cấp xã: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã.

b) Căn cứ quy định tại điểm a khoản này, các đơn vị, địa phương chỉ đạo việc tổ chức gặp mặt, tặng quà, cung cấp thông tin, thông báo tình hình phù hợp với điều kiện, khả năng của đơn vị, địa phương.

Điều 7. Chế độ hỗ trợ tang lễ khi từ trần

1. Chế độ hỗ trợ đảm bảo tổ chức lễ tang, xây mộ đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu từ trần thuộc đối tượng được tổ chức lễ tang cấp Nhà nước, lễ tang cấp cao thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Chế độ hỗ trợ đối với cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức lễ tang hoặc tham gia Ban Tổ chức lễ tang theo quy định của Bộ Quốc phòng đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu khi từ trần từ cấp Đại tá trở xuống nhưng không thuộc đối tượng được tổ chức lễ tang cấp Nhà nước, lễ tang cấp cao theo quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định sau:

a) Đối với cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức lễ tang

Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng được hỗ trợ 10 (mười) tháng lương cơ sở;

Cơ quan cấp Cục và tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các Tổng cục được hỗ trợ 08 (tám) tháng lương cơ sở;

Cơ quan, đơn vị cấp Sư đoàn, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và tương đương được hỗ trợ 05 (năm) tháng lương cơ sở;

Các cơ quan, đơn vị còn lại được hỗ trợ 03 (ba) tháng lương cơ sở.

Kinh phí hỗ trợ cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức lễ tang quy định tại điểm này để chi mua đồ thờ, trang trí khánh tiết, vòng hoa, lễ viếng và chi phục vụ lễ tang.

b) Đối với cơ quan, đơn vị được phân công tham gia Ban Tổ chức lễ tang được hỗ trợ 01 (một) tháng lương cơ sở; kinh phí này để chi mua vòng hoa, lễ viếng và đồ lễ theo phong tục tập quán của địa phương.

3. Hằng năm, cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức lễ tang hoặc cơ quan, đơn vị được phân công tham gia Ban Tổ chức lễ tang được thanh, quyết toán thực chi nhưng không vượt quá mức hỗ trợ quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều này.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Đăng ký, quản lý sĩ quan Quân đội nghỉ hưu

1. Đăng ký sĩ quan Quân đội nghỉ hưu

Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định về việc nghỉ việc để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Nghị định này nộp giấy giới thiệu và quyết định nêu trên cho Ban Chỉ huy quân sự xã nơi thường trú bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử để đăng ký lần đầu.

Việc đăng ký bổ sung, đăng ký di chuyển, đăng ký vắng mặt, đăng ký riêng thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 209/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm /2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

2. Quản lý sĩ quan Quân đội nghỉ hưu

a) Bộ Quốc phòng quản lý số lượng, danh sách sĩ quan Quân đội nghỉ hưu trên địa bàn toàn quốc để chỉ đạo thực hiện các chế độ, chính sách theo phạm vi quy định tại Nghị định này.

b) Các Quân khu quản lý số lượng, danh sách sĩ quan Quân đội nghỉ hưu thường trú trên địa bàn quân khu để chỉ đạo thực hiện chế độ, chính sách theo phạm vi quy định tại Nghị định này.

c) Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội quản lý số lượng, danh sách sĩ quan Quân đội nghỉ hưu thường trú trên địa bàn thành phố Hà Nội để chỉ đạo thực hiện chế độ, chính sách theo phạm vi quy định tại Nghị định này.

d) Ủy ban nhân dân tỉnh (Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh) quản lý số lượng, danh sách sĩ quan Quân đội nghỉ hưu thường trú trên địa bàn tỉnh (trừ thành phố Hà Nội) để chỉ đạo thực hiện chế độ, chính sách theo phạm vi quy định tại Nghị định này.

đ) Ủy ban nhân dân xã (Ban Chỉ huy quân sự xã) quản lý số lượng, danh sách sĩ quan Quân đội nghỉ hưu thường trú trên địa bàn xã để chỉ đạo thực hiện chế độ, chính sách theo phạm vi quy định tại Nghị định này. Từ ngày 25 đến ngày 30 hằng tháng, Ban Chỉ huy quân sự xã tổng hợp danh sách, số lượng sĩ quan Quân đội nghỉ hưu đã đăng ký lần đầu, báo cáo về Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh hoặc Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội nơi sĩ quan Quân đội nghỉ hưu thường trú để quản lý.

Việc quản lý hồ sơ sĩ quan Quân đội nghỉ hưu thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Quốc phòng.

Điều 9. Nguồn kinh phí

1. Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Điều 4, Điều 5; chế độ báo chí quy định tại khoản 1 Điều 6; chế độ cung cấp thông tin, thông báo tình hình quy định tại khoản 2 Điều 6 (đối với đối tượng do cấp Bộ Quốc phòng, cấp Quân khu, cấp Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội gặp mặt) và chế độ hỗ trợ tang lễ quy định tại Điều 7 Nghị định này do ngân sách Nhà nước đảm bảo theo quy định của pháp Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Kinh phí bảo đảm tổ chức gặp mặt, tặng quà, cung cấp thông tin, thông báo tình hình đối với các đối tượng do lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gặp mặt quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này do ngân sách địa phương đảm bảo.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm

a) Quy định, hướng dẫn, chỉ đạo việc thực hiện chế độ, chính sách đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định này đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền. Xây dựng cơ sở dữ liệu về sĩ quan Quân đội nghỉ hưu để quản lý, thực hiện chế độ, chính sách đảm bảo thống nhất;

b) Hằng năm, lập dự toán kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách do ngân sách Nhà nước đảm bảo được quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này.

c) Chủ trì, phối hợp kiểm tra, giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm

a) Quy định, hướng dẫn nội dung mức chi thực hiện khám giám định bệnh hiểm nghèo theo quy định tại Điều 5 Nghị định này đối với Hội đồng giám định y khoa.

b) Hằng năm, căn cứ vào dự toán do Bộ Quốc phòng và Ủy ban nhân dân tỉnh lập, bảo đảm kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách và kinh phí bảo đảm cho việc giám định y khoa xác định bệnh hiểm nghèo quy định tại Nghị định này theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; phối hợp giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm

a) Chỉ đạo quán triệt, tuyên truyền chế độ, chính sách đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu trên địa bàn;

b) Chỉ đạo Sở Tài chính, hằng năm lập dự toán kinh phí thực hiện chế độ quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này đối với đối tượng thuộc phạm vi gặp của lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền bảo đảm kinh phí;

c) Chỉ đạo Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, hằng năm tham mưu, đề xuất tổ chức việc gặp mặt, tặng quà, cung cấp thông tin, thông báo tình hình theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này đối với đối tượng thuộc phạm vi gặp của lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận, đăng ký, quản lý; tổ chức gặp mặt, tặng quà, cung cấp thông tin, thông báo tình hình theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này đối với đối tượng thuộc phạm vi gặp của lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã; phối hợp thực hiện các chế độ, chính sách có liên quan đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu trên địa bàn.

Điều 11. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.

2. Quân nhân chuyên nghiệp; công chức quốc phòng; công nhân quốc phòng; viên chức quốc phòng; người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân công tác tại Ban Cơ yếu Chính phủ khi nghỉ hưu được áp dụng thực hiện chế độ, chính sách như đối với sĩ quan có cùng điều kiện (cấp bậc quân hàm hoặc hệ số lương hoặc hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo) quy định tại Nghị định này.

3. Mức lương cơ sở quy định tại Nghị định này khi bị bãi bỏ thì thực hiện theo quy định của Chính phủ.

4. Các văn bản dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì nội dung dẫn chiếu được thực hiện theo các văn bản mới.

5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (3b).....

Phụ lục I
MẪU BIỂU ĐỀ NGHỊ, CÔNG NHẬN MẮC BỆNH HIỂM NGHÈO
(Ban hành kèm theo Nghị định số: /2025/NĐ-CP
ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

TT	Nội dung	Mẫu số
01	Đơn đề nghị giám định đề hưởng chế độ hỗ trợ mắc bệnh hiểm nghèo	Mẫu số 01/2025/BHN
02	Giấy giới thiệu khám giám định y khoa	Mẫu số 02/2025/BHN
03	Biên bản giám định y khoa	Mẫu số 03/2025/BHN
04	Quyết định về việc hưởng chế độ hỗ trợ hàng quý đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo	Mẫu số 04/2025/BHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Giám định để hưởng chế độ hỗ trợ mắc bệnh hiểm nghèo

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (phường, đặc khu).....

1. Thông tin về sĩ quan Quân đội nghỉ hưu và tình trạng bệnh tật

Họ và tên:.....; nam/nữ:.....

Ngày tháng năm sinh:.....

Số CCCD hoặc số căn cước hoặc số định danh cá nhân:.....

Nơi thường trú:.....

.....

Số điện thoại:.....

Cấp bậc, chức vụ khi nghỉ hưu:.....

Đơn vị khi nghỉ hưu:.....

Hưởng chế độ hưu trí từ ngày.....thángnăm.....

Giấy tờ kèm theo¹.....

.....

Tình trạng bệnh tật hiện nay:.....

2. Thông tin về thân nhân người đề nghị

Họ và tên:.....; nam/nữ:.....

Ngày tháng năm sinh:.....

Số CCCD hoặc số căn cước hoặc số định danh cá nhân:.....

Nơi thường trú:.....

Số điện thoại:.....

Quan hệ với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu:.....

Đề nghị cấp có thẩm quyền giám định, quyết định cho.....
được hưởng chế độ hỗ trợ mắc bệnh hiểm nghèo.

Tôi cam đoan lời khai trên là đúng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm
trước pháp luật./.

....., ngày... tháng... năm...

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

¹ Giấy tờ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

*** Ghi chú:**

- Trường hợp sĩ quan Quân đội nghỉ hưu tự làm đơn đề nghị thì không phải kê khai tại khoản 2.

- Trường hợp sĩ quan Quân đội nghỉ hưu không tự mình làm đơn đề nghị được thì thân nhân (người được sĩ quan Quân đội nghỉ hưu ủy quyền) kê khai cả khoản 1 và khoản 2./.

.....(1).....
TÊN ĐƠN VỊ.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GGT-.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY GIỚI THIỆU KHÁM GIÁM ĐỊNH Y KHOA

Kính gửi: Hội đồng Giám định y khoa.....(3).....
.....(4).....trân trọng giới thiệu:

Đồng chí.....

Ngày tháng năm sinh.....; nam/nữ:.....

Số CCCD hoặc số căn cước hoặc số định danh cá nhân:.....

Nơi thường trú:.....

Cấp bậc, chức vụ khi nghỉ hưu:.....

Đơn vị khi nghỉ hưu:.....

Điện thoại liên lạc:.....

Tình trạng bệnh tật:.....

Được giới thiệu đến Hội đồng giám định y khoa:.....(5).....

để khám, giám định xác định mức bệnh hiểm nghèo:.....

Đề nghị Hội đồng Giám định y khoa khám, giám định và kết luận theo quy định./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ghi rõ chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)

*** Ghi chú:**

(1). Cấp trên đơn vị giám định y khoa.

(2) và (4). Đơn vị cấp giấy giới thiệu.

(3) và (5). Tên Hội đồng GDYK tổ chức cuộc họp.

.....¹
HỘI ĐỒNG GIÁM ĐỊNH
Y KHOA.....²

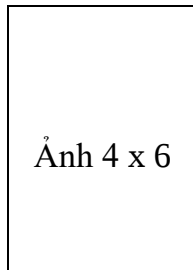
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GĐYK-.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN GIÁM ĐỊNH Y KHOA

Khám giám định:.....³



Ảnh 4 x 6

Hội đồng Giám định y khoa.....⁴
Đã họp ngày.....thángnămđể khám, giám định đối với:
Đồng chí.....; nam/nữ:.....
Ngày tháng năm sinh.....
Số CCCD hoặc số căn cước hoặc số định danh cá nhân:.....
Nơi thường trú:.....
Cấp bậc, chức vụ khi nghỉ hưu:.....

Khám giám định theo giới thiệu của.....⁵
Giấy giới thiệu số:.....ngày.....tháng.....năm
Đối tượng khám giám định:.....⁶
Nội dung cần giám định:.....

KẾT QUẢ KHÁM HIỆN TẠI

- Tiền sử:.....
- Kết quả:.....

KẾT LUẬN

Căn cứ⁷ngày.....tháng.....năm.....
Hội đồng Giám định y khoa kết luận:
Đồng chí.....
Được xác định:.....
Đề nghị⁸giải quyết chính sách theo quy định /.

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC/THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

T/M HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH⁹
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

*** Ghi chú:**

¹ Đơn vị cấp trên Hội đồng GĐYK.

² Tên Hội đồng GĐYK tổ chức cuộc họp.

³ Nội dung giám định.

⁴ Tên Hội đồng GĐYK tổ chức cuộc họp.

⁵ Đơn vị cấp giấy giới thiệu.

⁶ Ghi rõ đối tượng khám giám định.

⁷ Ghi tên văn bản QPPL làm căn cứ khám giám định.

⁸ Đơn vị đề nghị giám định.

⁹ Trường hợp Phó Chủ tịch Hội đồng được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền chủ trì phiên họp kết luận của Hội đồng thì ký thay Chủ tịch Hội đồng tại ô (9): “KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG - PHÓ CHỦ TỊCH”.

.....¹.....
.....².....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ

....., ngày..... thángnăm.....

QUYẾT ĐỊNH
V/v hưởng chế độ hỗ trợ hàng quý đối với
sĩ quan Quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo

.....³.....

Căn cứ Nghị định số:...../...../NĐ-CP ngày..... tháng.....năm..... của Chính phủ quy định chế độ an điều dưỡng, chăm sóc khi mắc bệnh hiểm nghèo, chế độ thông tin, hỗ trợ tang lễ khi từ trần đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu;

Căn cứ Biên bản giám định y khoa số...../BBGD.....ngày..... tháng.....năm..... của Hội đồng giám định y khoa.....⁴.....

Xét đề nghị của UBND xã (phường, đặc khu):.....

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thực hiện chế độ hỗ trợ hàng quý đối với sĩ quan Quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định tại Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày...../...../.....của Chính phủ đối với đồng chí có tên sau:

Đồng chí:.....; nam/nữ:.....

Ngày tháng năm sinh:.....

Số CCCD hoặc số căn cước hoặc số định danh cá nhân:.....

Nơi thường trú:.....

Cấp bậc, chức vụ khi nghỉ hưu.....

Đơn vị khi nghỉ hưu.....

Hưởng chế độ hưu trí từ ngày.....tháng.....năm

Thời gian hưởng chế độ hỗ trợ hàng quý từ quý...../năm.....

Điều 2. UBND xã (phường, đặc khu); cơ quan, đơn vị có liên quan và đồng chí.....chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

-

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ghi rõ chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)

*** Ghi chú:**

¹ Cấp trên trực tiếp đơn vị ra quyết định.

² Đơn vị ra quyết định.

³ Chức vụ người có thẩm quyền của đơn vị ra quyết định.

⁴ Tên Hội đồng GDYK tổ chức cuộc họp.